

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 01 tháng 02 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất;
các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào mục đích khác
năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (đợt 1)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Quy hoạch ngày
24 tháng 11 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên
quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của
Quốc hội khóa 15 về "Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính
sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc,
đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định
số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ
sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số
10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh
quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng
6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số
điều của Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi
đất; các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác năm
2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (đợt 1) như sau:

1. Các dự án cần thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013: Tổng số 37 dự án, với tổng diện tích đất thu hồi 1.011.402,0 m², trong đó: Đất trồng lúa 773.886,0 m², đất khác 237.516,0 m².

(Chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo)

2. Các dự án chuyển mục đích sử dụng đất theo điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013, có sử dụng đất trồng lúa dưới 10,0 ha: Tổng số 05 dự án, với tổng diện tích đất trồng lúa 33.974,4 m².

(Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo)

3. Điều chỉnh diện tích, tên, địa điểm, loại đất các dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết (số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022, số 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2022, số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023, số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023, số 57/NQ-HĐND ngày 19/10/2023, số 76/NQ-HĐND ngày 13/12/2023): Tổng số 43 dự án.

(Chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 15 thông qua. /

Nơi nhận: /

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, Thành ủy, HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh
- Lãnh đạo, CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

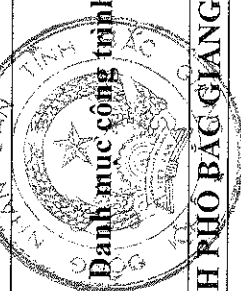


Lê Thị Thu Hồng

Biểu số 01: BỔ SUNG DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT THEO KHOẢN 3
ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



STT	 Đanh mục công trình, dự án	Địa điểm (Xã, phường, thị trấn)	Diện tích thu hồi (m ²)			Căn cứ pháp lý
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)	
I THÀNH PHỐ BẮC GIANG						
1	Mở rộng nghĩa trang nhân dân phường Đa Mai	Phường Đa Mai	13.600,0	11.800,0	1.800,0	Công văn số 4248/UBND-TCKH ngày 27/10/2023 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư
2	Nhà văn hóa khu vui chơi giải trí bãi đỗ xe TDP số 4	Phường Thọ Xương	39.100,0	1.000,0	38.100,0	Nghị quyết của HĐND thành phố Bắc Giang: số 27/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 về việc thông qua Đề án về “Phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở thành phố Bắc Giang, giai đoạn 2022-2024”; số 16/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung trong Đề án “Phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở thành phố Bắc Giang, giai đoạn 2022-2024”
3	Mở rộng nhà văn hóa Cung Nhượng 1	Phường Thọ Xương	416,0		416,0	
4	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Phú Giã	Xã Song Mai	4.830,0	4.830,0		
5	Nhà văn hóa thôn Phương Đậu	Xã Song Mai	4.256,0	4.256,0		
II HUYỆN YÊN THẾ						
6	Nhà văn hóa Trại Mới	Xã Đồng Hưu	2.000,0		2.000,0	QĐ số 959/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện Yên Thế về việc giao kế hoạch đầu tư công, chương trình MTQG năm 2024
7	Nhà văn hóa Đèo Sắt	Xã Đồng Hưu	1.500,0	1.500,0		QĐ số 959/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện Yên Thế về việc giao kế hoạch đầu tư công, chương trình MTQG năm 2024
8	Nhà văn hóa Thái Hà	Xã Đồng Hưu	2.000,0	2.000,0		QĐ số 959/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện Yên Thế về việc giao kế hoạch đầu tư công, chương trình MTQG năm 2024
9	Nhà văn hóa thôn Đông Kênh	Xã Đồng Sơn	2.000,0		2.000,0	QĐ số 959/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện Yên Thế về việc giao kế hoạch đầu tư công, chương trình MTQG năm 2024

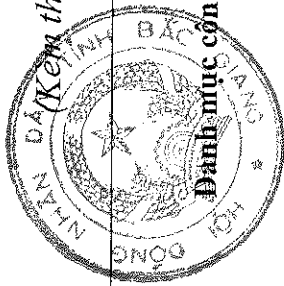
STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm (Xã, phường, thị trấn)	Diện tích thu hồi (m ²)			Căn cứ pháp lý
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)	
10	Khu thể thao thôn Đông Kênh	Xã Đông Sơn	4.500,0	3.000,0	1.500,0	QĐ số 959/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện Yên Thế về việc giao kế hoạch đầu tư công, chương trình MTQG năm 2024
11	Khu thể thao Đồi Hồng	Xã Đông Sơn	4.500,0	4.500,0		QĐ số 959/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện Yên Thế về việc giao kế hoạch đầu tư công, chương trình MTQG năm 2024
12	Nhà văn hóa thôn Làng	Xã Hương Vĩ	2.200,0	2.200,0		QĐ số 2078/QĐ-UBND ngày 03/7/2013 của UBND huyện Yên Thế về việc giao vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2013
13	Nhà văn hóa thôn Bờ Mận	Xã Hương Vĩ	2.000,0	2.000,0		QĐ số 188/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND huyện Yên Thế về việc giao vốn DTPT thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2018
14	Nhà Văn hóa thôn Cầu Tiến	Xã Hương Vĩ	1.600,0		1.600,0	QĐ số 188/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND huyện Yên Thế về việc giao vốn DTPT thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2018
15	Nhà văn hóa thôn Vàng	Xã Hương Vĩ	2.600,0		2.600,0	QĐ số 188/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND huyện Yên Thế về việc giao vốn DTPT thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2018
16	Nhà văn hóa bản Cây Vối	Xã Đông Tiến	1.700,0	1.700,0		QĐ số 959/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện Yên Thế về việc giao kế hoạch đầu tư công, chương trình MTQG năm 2024
17	Nhà văn hóa bản Khe Ngọn	Xã Đông Tiến	1.000,0	1.000,0		QĐ số 188/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND huyện Yên Thế về việc giao vốn DTPT thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2018

STT	Địa điểm (Xã, phường, thị trấn)	Diện tích thu hồi (m ²)			Căn cứ pháp lý	
		Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
 Danh mục công trình, dự án HUYỆN LỤC NAM						
III						
18	Khu dân cư số 2, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam	Xã Tiên Nha	98.000,0	83.000,0	15.000,0	QĐ số 52/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục dự án khu đô thị, khu dân cư cần thu hút đầu tư trên địa bàn huyện Lục Nam, huyện Tân Yên và huyện Yên Dũng
IV						
19	Mở rộng đường vào Trường mầm non trung tâm xã	Xã Hợp Đức	1.000,0	500,0	500,0	QĐ số 19/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của UBND xã Hợp Đức về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
20	Xây mới trường THCS xã Việt Lập	Xã Việt lập	20.000,0	20.000,0		QĐ số 21/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND xã Việt Lập về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
21	Sân vận động TDP Trong Hạ	TT Cao Thượng	5.000,0	5.000,0		QĐ số 06/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND thị trấn Cao Thượng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
22	Dự án Mở rộng nghĩa trang Cảnh Sung, thị trấn Nhã Nam	TT Nhã Nam	21.100,0	5.100,0	16.000,0	QĐ số 94/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND thị trấn Nhã Nam phê duyệt chủ trương đầu tư
23	Xây dựng CSHT khu dân cư Đồi Rồng (GD 2)	Xã Ngọc Lý	20.000,0	18.000,0	2.000,0	QĐ số 1810/QĐ-UBND 14/11/2022 huyện Tân Yên về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
24	Mở rộng khu dân cư thôn Hòa Làng	Xã Phúc Hòa	20.000,0	20.000,0		QĐ số 1811/QĐ-UBND 14/11/2022 huyện Tân Yên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
25	Khu dân cư Cửa Bia thôn Ngoài, Tân Lập	Xã Tân Trung	20.000,0	20.000,0		QĐ số 1814 ngày 16/11/2022 của UBND huyện Tân Yên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
V						
26	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thung	Xã Đèo Gia	1.000,0	1.000,0		Văn bản số 1125/UBND-DT ngày 03/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện Lục Ngạn về giao làm chủ đầu tư, thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư công trình khởi công mới thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN năm 2024

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm (Xã, phường, thị trấn)	Diện tích thu hồi (m ²)			Căn cứ pháp lý
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)	
27	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư Phúc Thành xã Quý Sơn và Lâm Trường, thị trấn Chú (hàng mục khu dân cư Lâm Trường, GPD1)	TT Chú	16.000,0	5.000,0	11.000,0	NQ số 04/NQ-HĐND ngày 16/01/2024 của HĐND huyện Lục Ngạn về việc bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024
28	Khu liên kế 15, phần khu số 3, Khu đô thị mới Trần Phú	TT Chú	5.000,0	1.000,0	4.000,0	NQ số 38/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện Lục Ngạn Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; kế hoạch đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 huyện Lục Ngạn
VI	HUYỆN VIỆT YÊN (THỊ XÃ VIỆT YÊN)					
29	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ khu dân cư Hồ Công Dư kéo dài đi đường Tự Dương Huy, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 2)	Bích Động, Trung Sơn	62.000,0	60.000,0	2.000,0	Quyết định phê duyệt chủ trương số 1811/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm C trên địa bàn huyện
30	Tuyến đường kết nối KCN Minh Đức đi sân golf Trung Sơn đầu nối vành đai IV (giai đoạn 1)	Minh Đức, Tự Lạn	135.000,0	98.000,0	37.000,0	NQ số 20/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư; quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B trên địa bàn huyện
31	Khu nhà ở xã hội Vân Trung, huyện Việt Yên	Vân Trung	77.000,0	71.000,0	6.000,0	QĐ số 526/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh V/v phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu nhà ở xã hội Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên
32	Đường vào trụ sở Công an xã Minh Đức	Minh Đức	500,0	500,0		QĐ số 07/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 của UBND xã Minh Đức v/v phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Đường vào trụ sở Công an xã Minh Đức
33	Tuyến đường kết nối KCN Quang Châu với KCN Vân Trung	Vân Trung	125.000,0	98.000,0	27.000,0	NQ số 20/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư; quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B trên địa bàn huyện

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm (Xã, phường, thị trấn)	Diện tích thu hồi (m ²)			Căn cứ pháp lý
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)	
34	Đầu tư xây dựng cầu vượt nói KĐT số 1 Nénh với KCN Quang Châu	Nénh, Vân Trung	20.000,0	20.000,0		NQ số 20/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư; quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B trên địa bàn huyện
35	Đầu tư xây dựng cầu vượt đường tỉnh 295B trên QL37 và đường dẫn đầu cầu	Bích Động, Hồng Thái	20.000,0	20.000,0		NQ số 20/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư; quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B trên địa bàn huyện
VII HUYỆN SƠN ĐỘNG						
36	Khu đô thị số 2 TT Tây Yên Tử (Quy hoạch chi tiết Xây dựng khu tái định cư thị trấn Tây Yên Tử)	TT Tây Yên Tử	68.000,0	8.000,0	60.000,0	NQ số 103/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND huyện Sơn Động về kế hoạch đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 huyện Sơn Động
VIII HUYỆN YÊN DŨNG						
37	Khu số 1 thuộc Khu đô thị số 11, 12 thuộc Quy hoạch phân khu số 2, thành phố Bắc Giang (thuộc địa phận xã Hương Gián, huyện Yên Dũng)	Xã Hương Gián	187.000,0	180.000,0	7.000,0	QĐ số 52/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục dự án khu đô thị, khu dân cư cần thu hút đầu tư trên địa bàn huyện Lục Nam, huyện Tân Yên và huyện Yên Dũng
Tổng cộng			1.011.402,0	773.886,0	237.516,0	

**Biểu số 02: CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO ĐIỂM B KHOẢN 1 ĐIỀU 58
LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA DƯỚI 10 HA**
(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



STT	Đánh mục công trình, dự án	Địa điểm (Xã, phường)	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ pháp lý
I	THÀNH PHỐ BẮC GIANG			
1	Xây dựng cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh và sửa chữa ô tô	Xã Đình Trĩ	1.880,5	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 452/QĐ-UBND ngày 04/8/2017, Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1253/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh; chứng từ nộp tiền đất lúa ngày 14/01/2022; Công văn số 183/SNN-TT&BVTV ngày 19/01/2024 của Sở NN&PTNT
II	HUYỆN LỤC NAM			
2	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập Chùa Ông	Xã Đông Phú	300,0	Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/02/2019; Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 (300m ² là đất trồng lúa nước còn lại (LUK) nên không phải nộp tiền đất lúa, lập phương án sử dụng tăng đất mặt)
3	Siêu thị Lan Chi Mart	TT Đồi Ngô	374,4	Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 về Điều chỉnh chủ trương đầu tư; Công văn số 2875/SNN-TT&BVTV ngày 23/11/2023 của Sở NN&PTNT; chứng từ nộp tiền của Chủ đầu tư ngày 01/12/2023
4	Khu dân cư mới xã Tam Dị, huyện Lục Nam	Xã Tam Dị	27.300,0	Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 16/03/2023 của UBND tỉnh về chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư; Công văn số 2327/SNN-TT&BVTV ngày 28/9/2023 của Sở NN&PTNT; chứng từ nộp tiền ngày 16/10/2023
5	Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước sạch xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam	Xã Bắc Lũng	6.000,0	QĐ chấp thuận điều chỉnh CTĐT đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 440/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Sở KH&ĐT; Công văn 2921/SNN-TT&BVTV ngày 27/11/2023 của Sở NN&PTNT; chứng từ nộp tiền ngày 19/01/2024
	Tổng cộng		33.974,4	

Biểu số 03: ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH, TÊN DỰ ÁN, ĐỊA ĐIỂM, LOẠI ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC HẸND TỈNH THÔNG QUA TÀI CÁC NGHỊ QUYẾT (SỐ 30/NQ-HẸND NGÀY 04/10/2022; SỐ 39/NQ-HẸND NGÀY 09/12/2022; SỐ 10/NQ-HẸND NGÀY 05/4/2023; SỐ 29/NQ-HẸND NGÀY 14/7/2023; SỐ 57/NQ-HẸND NGÀY 19/10/2023; SỐ 76/NQ-HẸND NGÀY 13/12/2023)
(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HẸND ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Danh mục công trình, dự án (Xã, phường, thị trấn)	Địa điểm (Xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích trước điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi trước điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa trước điều chỉnh (m ²)	Tổng diện tích sau điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi sau điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa sau điều chỉnh (m ²)	Nghị quyết trước khi điều chỉnh	Lý do điều chỉnh, căn cứ điều chỉnh
				Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			
A CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT												
I THÀNH PHỐ BẮC GIANG												
1	HTKT Khu số 1 thuộc Khu dân cư số 4, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang	Phường Thọ Xương	49.700	42.000	7.700		48.900	42.000	6.900		STT 919, Biểu 02; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh giảm 800 m ² đất khác theo QĐ phê duyệt dự án (do chồng lấn vào dự án Khu số 2 thuộc Khu dân cư số 4, phường Thọ Xương)
2	HTKT Khu số 2 thuộc Khu dân cư số 4, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang	Phường Thọ Xương	43.600	40.000	3.600		45.000	40.000	5.000		STT 920, Biểu 02; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022	Bổ sung 1.400 m ² đất khác theo QĐ phê duyệt dự án (do chồng lấn vào dự án dự án Khu số 2 và dự án Khu số 3 thuộc Khu dân cư số 4, phường Thọ Xương)
3	HTKT khu dân cư thôn Yên Khê, xã Song Khê	Xã Song Khê	37.733	34.000	3.733		48.900	40.000	8.900		STT 1022, Biểu 02; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022	Bổ sung 6.000 m ² đất lúa và 5.167m ² đất khác theo Quyết định số 3736/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND thành phố (do điều chỉnh QH chi tiết KĐT Tây Nam - Khu vực nam thôn Yên Khê theo QĐ số 1489)

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm (Xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích trước điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi trước điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa trước điều chỉnh (m ²)	Tổng diện tích sau điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi sau điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa sau điều chỉnh (m ²)	Nghị quyết trước khi điều chỉnh	Lý do điều chỉnh, căn cứ điều chỉnh
				Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			
4	Đầu tư xây dựng Nhà tang lễ thành phố Bắc Giang	Phường Mỹ Độ	4.600	4.600		4.600	5.700	4.600	1.100	4.360	STT 59, Biểu 02; STT 28, Biểu 3; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh	Bổ sung 1.100 m ² đất khác, do bổ sung diện tích đường vào đã phê duyệt tại Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của UBND thành phố về phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án (do đăng ký thiếu diện tích)
5	HTKT Khu dân cư số 1 khu phía Bắc thuộc Khu đô thị Tây Nam, thành phố Bắc Giang	Xã Tân Mỹ, Phường Mỹ Độ	48.900,0	7.567,8	41.332,2	7.567,8	48.900,0	45.200,0	3.700,0	45.200,0	STT 30, Biểu 05 Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh loại đất từ 37.632 m ² đất khác sang đất lúa (tổng diện tích dự án không thay đổi); đã nộp đủ tiền đất lúa (giấy nộp tiền ngày 30/9/2022)
6	HTKT điểm khu dân cư cạnh đường Lê Duẩn, phường Đình Kế, thành phố Bắc Giang	Phường Đình Kế	14.000	14.000			14.700	14.000	700		STT 54, Biểu 02 Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Bổ sung 700m ² đất khác theo QĐ số 3894/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 phê duyệt dự án (do điều chỉnh QĐ chi tiết xây dựng khu 5,9 thuộc KĐT phía Nam thành phố tại QĐ số 694/QĐ-UBND ngày 30/6/2023)

STT	Địa điểm (Xã, Phường, thị trấn)	Tổng diện tích trước điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi trước điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa trước điều chỉnh (m ²)	Tổng diện tích sau điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi sau điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa sau điều chỉnh (m ²)	Nghị quyết trước khi điều chỉnh	Lý do điều chỉnh, căn cứ điều chỉnh
			Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			
7	HTKT Khu dân cư thôn Núi, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang	99.600	80.000	19.600		78.400	62.500	15.900		STT 1042, Biểu 02, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh;	Điều chỉnh giảm 17.500 m ² đất lúa và 3.700 m ² đất khác, do tách dự án Trường Mầm Non Dĩnh Trì thành dự án khác (theo NQ 11 ngày 05/7/2022 của HĐND TP và theo diện tích DA đã phê duyệt tại Quyết định số 4234/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND thành phố)
8	Khu số 3 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang	10.830	8.538	2.292	8.538	16.900	8.500	8.400	8.500	STT 893, Biểu 02, và STT 726, Biểu 3 Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh 38 m ² đất lúa sang đất khác và bổ sung 6.070 m ² đất khác (do điều chỉnh cục bộ QH chỉ tiết XD Khu số 3, thuộc KĐT Phía Nam TP - QĐ số 1582 của UBND tỉnh Bắc Giang)
9	Dải cây xanh mặt nước Khu C, Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang	212.000	180.000	32.000		198.600	180.000	18.600		STT 49, Biểu 05 Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh giảm 13.400 m ² đất khác (do rà soát lại số liệu theo QHCT khu đô thị số 15 và dải cây xanh mặt nước thuộc QH Phân khu số 2 TPBG tại QĐ số 247 của UBND tỉnh và Quyết định số 4080/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của UBND thành phố về phê duyệt dự án)

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm (Xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích trước điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi trước điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa trước điều chỉnh (m ²)	Tổng diện tích sau điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi sau điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa sau điều chỉnh (m ²)	Nghị quyết trước khi điều chỉnh	Lý do điều chỉnh, căn cứ điều chỉnh
				Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			
10	Cải tạo nghĩa trang Đồng Chải, phường Dĩnh Kế	Phường Dĩnh Kế				13.500				5.000	STT 39, Biểu 03 Nghị quyết 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh từ 13.500 m ² đất lúa thành 5.000 m ² đất lúa
11	Cải tạo, kê hồ thôn Liêm Xuyên, xã Song Khê, thành phố Bắc Giang	Xã Song Khê	700		700		7.000		7.000		STT 995, Biểu 02 Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh	Bổ sung 6.300 m ² đất khác theo QĐ phê duyệt dự án số 722/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 của UBND thành phố
12	HTKT khu dân cư cạnh đường Xương Giang (giai đoạn 2)	Phường Xương Giang	34.500	34.500			31.700	31.700			STT 118, Biểu 02 Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh giảm 2.800 m ² đất lúa (tổng diện tích dự án giảm 2.800 m ² đất), theo diện tích thực hiện đã phê duyệt tại Quyết định số 4237/QĐ-UBND ngày 15/11/2022
13	HTKT khu dân cư số 3 cạnh tỉnh lộ 295B (giai đoạn 3)	Phường Xương Giang	33.000	33.000		33.000	33.000	32.000	1.000	32.000	STT 924, Biểu 02 và STT 761, Biểu số 03, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh 1.000 m ² từ đất lúa sang đất khác (tổng diện tích dự án không thay đổi); do sai sót trong quá trình rà soát loại đất
14	HTKT khu dân cư mới thôn Tân Mỹ, xã Đồng Sơn, (giai đoạn 2) thành phố Bắc Giang	Xã Đồng Sơn	47.000	44.000	3.000		48.800	44.000	4.800		STT 03, Biểu 03 Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 19/10/2023 của HĐND tỉnh	Bổ sung 1.800 m ² đất khác (tổng diện tích dự án tăng từ 4,7ha lên 4,88ha); do bổ sung diện tích dự án theo QĐ 1152/QĐ-UBND ngày 17/3/2023

STT	Địa điểm (Xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích trước điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi trước điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa trước điều chỉnh (m ²)	Tổng diện tích sau điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi sau điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa sau điều chỉnh (m ²)	Nghị quyết trước khi điều chỉnh	Lý do điều chỉnh, căn cứ điều chỉnh
			Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			
15	HTKT khu dân cư (cạnh sân bóng thôn Phúc Hạ)	35.000	35.000		35.000	35.000	34.000	1.000	34.000	STT 1028, Biểu 02 Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh; STT 36, Biểu 3, Nghị quyết 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh 1.000 m ² đất lúa sang đất khác (tổng diện tích dự án không thay đổi); do sai sót trong quá trình rà soát loại đất
16	HTKT khu dân cư cạnh đường Thân Khuê (GD2), xã Song Mai, thành phố Bắc Giang	39.000	30.000	9.000			30.000	5.200		STT 1031, Biểu 02; Nghị quyết 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh	Bổ sung chữ: "Xã Song Mai, thành phố Bắc Giang" vào tên dự án Điều chỉnh giảm 3.800 m ² đất khác (tổng diện tích dự án giảm) theo QĐ phê duyệt dự án số 4214/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND thành phố
17	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Lục ké tiếp, xã Tân Mỹ	29.000	29.000				28.000	1.000		STT 1032, Biểu 02 Nghị quyết 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh 1.000 m ² đất lúa sang đất khác (tổng diện tích dự án không thay đổi); do sai sót trong quá trình rà soát loại đất

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm (Xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích trước điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi trước điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa trước điều chỉnh (m ²)	Tổng diện tích sau điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi sau điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa sau điều chỉnh (m ²)	Nghị quyết trước khi điều chỉnh	Lý do điều chỉnh, căn cứ điều chỉnh
				Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			
18	Cải tạo nâng cấp đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Xương Giang đến đường Lê Lợi), thành phố Bắc Giang	Phường Trần Phú	200		200		10.800		10.800		STT 943, Biểu 02 Nghị quyết 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh	Bổ sung 10.600 m ² đất khác (tổng diện tích dự án tăng 10.600 m ²) theo Quyết định số 8129/QĐ-UBND ngày 15/11/2021
19	Cải tạo, nâng cấp đường Thân Khuê, xã Song Mai, thành phố Bắc Giang	X. Song Mai	27.000	27.000			27.000	25.000	2.000		STT 115, Biểu 02 Nghị quyết 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh 2.000 m ² đất lúa sang đất khác (tổng diện tích dự án không thay đổi); do sai sót trong quá trình rà soát loại đất.
20	Chỉnh trang các khuôn viên, công viên, khu vực vui chơi và một số nút giao thông trên địa bàn các phường, xã, TP Bắc Giang	TPBG	50.000		50.000		4.000	4.000			STT 52, mục A Nghị quyết 76/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 tỉnh	Điều chỉnh 4.000 m ² đất khác sang đất lúa và giảm 46.000 m ² đất khác (tổng diện tích dự án giảm còn 4.000 m ²); do sai sót trong quá trình rà soát diện tích, loại đất.
II HUYỆN YÊN THẾ												
21	Dự án Xây dựng cầu Đông Sơn trên địa bàn huyện Yên Thế, huyện Lạng Giang	Huyện Yên Thế và huyện Lạng Giang	13.500	11.000	2.500		24.000	9.000	15.000		STT 23, Biểu 03 Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh 2000 m ² đất lúa sang đất khác và bổ sung 10.500 m ² đất khác (tổng diện tích dự án tăng); Do quá trình đo đạc thực tế khi thực hiện kiểm kê, kiểm đếm đề GPMB

STT	Dạng mục công trình, dự án (Xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích trước điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi trước điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa trước điều chỉnh (m ²)	Tổng diện tích sau điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi sau điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa sau điều chỉnh (m ²)	Nghị quyết trước khi điều chỉnh	Lý do điều chỉnh, căn cứ điều chỉnh
			Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			
III	HUYỆN LỘC NAM										
22	Mở rộng Nhà văn hoá TDP Phương Lạn 6	2.200	300	1.900		723	596,7	126,3		STT 487, Biểu 02 Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tăng diện tích đất lúa, giảm diện tích đất khác (tổng diện tích dự án giảm) theo QĐ số 904/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất
23	Xây dựng cơ sở cất và hoàn thiện các sản phẩm đá, gạch ốp lát tại xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam	7.000			7.000	7.678,7			7.349,3	STT 91, Biểu 04 Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh. Diện tích theo QH là 8.000 m ²	Diện tích đã nhận chuyển nhượng; đã nộp tiền đất lúa theo thông báo số 171/STC-HCSN ngày 16/01/2024 của Sở Tài chính; phiếu nộp tiền lần 2 ngày 17/01/2024
24	Xây dựng tuyến đường nối từ QL 37 đi QL 31, đoạn từ Cầu Sen đi Cầu Già Khê (Tuyến ĐH.74b tuyến tránh thị trấn Đồi Ngõ, xã Sen-Cầu Già Khê và đoạn nối KDC số 2, làn 2 QL31 với Khu đô thị Phía Đông)	176.000	56.000	120.000		176.000	75.000	101.000		STT 426, Biểu 02 Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh cơ cấu giữa diện tích đất trồng lúa và đất khác, do quá trình xác minh nguồn gốc sử dụng đất

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm (Xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích trước điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi trước điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa trước điều chỉnh (m ²)	Tổng diện tích sau điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi sau điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa sau điều chỉnh (m ²)	Nghị quyết trước khi điều chỉnh	Lý do điều chỉnh, căn cứ điều chỉnh
IV HUYỆN LỤC NGẠN												
25	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư Phì Điền, Giáp Sơn	Xã Phì Điền, xã Giáp Sơn	98.600	40.000	58.600		98.600	92.000	6.600		STT 709, Biểu 02 Nghị quyết số 30/NQ-HDND ngày 04/10/2022	Điều chỉnh cơ cấu giữa diện tích đất trồng lúa và đất khác, do quá trình xác minh nguồn gốc sử dụng đất
26	Xây dựng Cầu Đèo Già đi Phú Nhuận huyện Lục Ngạn	Xã Phú Nhuận, Đèo Già	146.500	2.000	144.500		146.500	9.000	137.500		STT 93, Biểu 02 Nghị quyết số 39/NQ-HDND ngày 09/12/2022 của HDND tỉnh	Điều chỉnh cơ cấu giữa diện tích đất trồng lúa và đất khác, do quá trình xác minh nguồn gốc sử dụng đất; điều chỉnh địa điểm thực hiện từ Phú Nhuận thành xã Đèo Già, Phú Nhuận
27	Sân thể thao xã Tân Sơn	Xã Tân Sơn	10.000	5.000	5.000		10.000	9.800	200		STT 72, mục A Nghị quyết số 76/NQ-HDND ngày 13/12/2023 của HDND tỉnh	Điều chỉnh cơ cấu giữa diện tích đất trồng lúa và đất khác, do quá trình xác minh nguồn gốc sử dụng đất
V HUYỆN VIỆT YÊN (THỊ XÃ VIỆT YÊN)												
28	Đường kết nối đường vành đai thị trấn Bích Động với đường vành đai Đông Bắc thành phố Bắc Giang	Bích Động, Hồng Thái, Nghĩa Trung	116.201,8	98.000,0	18.201,8		116.201,8	92.000,0	24.201,8		STT 1152, Biểu 02, và STT 938, Biểu 03, Nghị quyết số 30/NQ-HDND ngày 04/10/2022 của HDND tỉnh	Điều chỉnh địa điểm từ: “Bích Động, Minh Đức, Nghĩa Trung”, nay điều chỉnh thành: “Bích Động, Hồng Thái, Nghĩa Trung”; Biểu 02, điều chỉnh 6.000 m ² đất lúa sang đất khác, do sau khi đo đạc, kiểm đếm có sự sai khác; Biểu số 03, bổ sung tăng 74.000 m ² đất lúa do đăng ký có sự nhầm lẫn

STT	Danh mục công trình, dự án (Xã, phường, thị trấn)	Địa điểm	Tổng diện tích trước điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi trước điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa trước điều chỉnh (m ²)	Tổng diện tích sau điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi sau điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa sau điều chỉnh (m ²)	Nghị quyết trước khi điều chỉnh	Lý do điều chỉnh, căn cứ điều chỉnh
				Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			
29	Dự án Kê hồ, khuôn viên cây xanh thị trấn Bích Động	Bích Động	69.000	56.800	12.200		69.000	65.000	4.000		STT 01, Biểu 03, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh 8.200 m ² đất khác sang đất lúa, do sau khi đo đạc, kiểm đếm có sự sai khác
30	Khu dân cư Sơn Quang, Tân Sơn, xã Trung Sơn (Giai đoạn 3)	Trung Sơn	50.000	49.000	1.000		57.000	56.000	1.000		STT 964, Biểu 03, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh	Bổ sung 7000 m ² đất lúa do Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của UBND huyện Việt Yên về việc phê duyệt dự án Khu dân cư Sơn Quang, Tân Sơn, xã Trung Sơn, giai đoạn 3
VI	HUYỆN SƠN ĐỘNG											
31	Đường tránh xã Long Sơn (điểm đầu từ QL 279 đi thôn Hạ, Tàu, điểm cuối ĐT 293), huyện Sơn Động	Xã Long Sơn	4.100	3.600	500		56.000	48.000	8.000		STT 76, Mục A, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh	Bổ sung: 44.600 m ² đất lúa và 7.500 m ² đất khác (tổng diện tích dự án tăng) theo Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND huyện Sơn Động về chủ trương đầu tư dự án

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm (Xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích trước điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi trước điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa trước điều chỉnh (m ²)	Tổng diện tích sau điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi sau điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa sau điều chỉnh (m ²)	Nghị quyết trước khi điều chỉnh	Lý do điều chỉnh, căn cứ điều chỉnh
				Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			
32	Nâng cấp mở rộng đường khe Tàu, Đòng Hà kết nối Đèo Gia huyện Lục Ngạn	Xã Yên Định	72.000	37.000	35.000		80.000	35.000	45.000		STT 78, Mục A, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-HDND ngày 13/12/2023 của HDND tỉnh	Điều chỉnh 2.000 m ² đất lúa sang đất khác và bổ sung 8.000 m ² đất khác (tổng diện tích dự án tăng) theo Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND huyện Sơn Động về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
VII HUYỆN LẠNG GIANG												
33	Khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang	TT Vôi	123.000	120.000	3.000		27.000	5.000	22.000	5.000	STT 13, Biểu 01, Nghị quyết số 30/NQ-HDND ngày 04/10/2022 của HDND tỉnh	Công văn số 462/TT-g-NN ngày 10/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến nay đã hết hạn. Phần diện tích còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất điều chỉnh từ Biểu 01, sang Biểu 02 và Biểu 03, Nghị quyết số 30/NQ-HDND ngày 04/10/2022

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm (Xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích trước điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi trước điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa trước điều chỉnh (m ²)	Tổng diện tích sau điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi sau điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa sau điều chỉnh (m ²)	Nghị quyết trước khi điều chỉnh	Lý do điều chỉnh, căn cứ điều chỉnh
				Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			
34	Khu dân cư Nghĩa Hoà (thanh toán BT) - (Chuyển tiếp)	Xã Nghĩa Hoà, xã An Hà	20.000	19.000	1.000	19.000	20.000	17.000	3.000	17.000	STT 110, Biểu 02 và STT 78, Biểu 03, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh	Thiếu địa điểm thực hiện dự án: Xã An Hà theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Lạng Giang; CV 2360/SNN-TT&BNTV ngày 02/10/2023 của Sở NN; giấy nộp tiền đất lúa.
35	Xây dựng cầu Đông Sơn trên địa bàn huyện Yên Thế, huyện Lạng Giang	Huyện Lạng Giang	13.500	11.000	2.500		6.500	3.000	3.500		STT 23, Biểu 03, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh 1.000 m ² đất lúa sang đất khác và giảm 7.000 m ² đất lúa; Do quá trình kê khai, điểm đếm, xác minh ranh giới, nguồn gốc sử dụng đất (tổng diện tích dự án giảm)
36	Cụm công nghiệp Hương Sơn	Xã Hương Sơn	350.000	19.000	331.000		384.000	53.000	331.000		STT 112, Biểu 02 và STT 81, Biểu 03, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 4/10/2022 của HĐND tỉnh	Tăng thêm 3,4ha đất đường gom cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn nằm trong ranh giới CCN Hương Sơn
B	CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TÊN, ĐỊA ĐIỂM											
I	THÀNH PHỐ BẮC GIANG											
37	Khu đô thị mới phía Tây Đình Trì, thành phố Bắc Giang	X. Đình Trì P. Đình Ké									STT 899, Biểu 02; và STT 722, Biểu 03 Nghị quyết 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án tại xã Đình Trì và phường Đình Ké theo QĐ số 624/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm (Xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích trước điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi trước điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa trước điều chỉnh (m ²)	Tổng diện tích sau điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi sau điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa sau điều chỉnh (m ²)	Nghị quyết trước khi điều chỉnh	Lý do điều chỉnh, căn cứ điều chỉnh
				Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			
II HUYỆN TÂN YÊN												
38	Khu dân cư Đình Tế - Đông Đình, thôn Ngo, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên	Xã Lam Cốt, xã Phúc Sơn									STT 272, Biểu 02, Nghị quyết số 30/NQ-HDND ngày 04/10/2022 của HDND tỉnh	Khảo sát thực tế thấy dự án thuộc địa bàn xã Lam Cốt và xã Phúc Sơn. Nay điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án tại xã Lam Cốt và xã Phúc Sơn
39	Khu dân cư Vàng Cao Xá (thôn Vàng), huyện Tân Yên	Xã Cao Xá, thị trấn Cao Thượng									STT 24, Biểu 01, Nghị quyết số 30/NQ-HDND ngày 04/10/2022, địa điểm thực hiện dự án tại xã Cao Xá	Điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án (tại xã Cao Xá và thị trấn Cao Thượng) theo QĐ số 1224/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận CTĐT
III HUYỆN LÜC NAM												
40	Dự án cầu đường sắt Cẩm Lý Km24+134 tuyến đường sắt Kép - Hà Long	Xã Vũ Xá, xã Bắc Lũng, xã Cẩm Lý									Nghị quyết số 57/NQ-HDND ngày 19/10/2023; Nghị quyết số 76/NQ-HDND ngày 13/12/2023 của HDND tỉnh	Quyết định số 1654/QĐ-BGTVT ngày 18/12/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án (tên trước kia là dự án Tách cầu chung Lục Nam (Cẩm Lý) Km24+134, tuyến đường sắt Kép - Hà Long)

STT	Danh mục công trình, dự án (Xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích trước điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi trước điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa trước điều chỉnh (m ²)	Tổng diện tích sau điều chỉnh (m ²)	Diện tích đất thu hồi sau điều chỉnh (m ²)		Diện tích CMD sử dụng đất trồng lúa sau điều chỉnh (m ²)	Nghị quyết trước khi điều chỉnh	Lý do điều chỉnh, căn cứ điều chỉnh
			Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)			
IV	HUYỆN VIỆT YÊN (THỊ XÃ VIỆT YÊN)										
41	Khu dân cư mới thôn Trung Đông (tên trước là khu dân cư thôn Trung Đông)	Xã Văn Trung								STT 854, Biểu 03, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tên dự án thành Khu dân cư mới thôn Trung Đông, do lúc đăng ký dự án đánh thiếu từ mới
42	Khu dân cư tổ dân phố Đông, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên (Khu dân cư tổ dân phố Đông, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên)	Bích Động								STT 1082, Biểu 02, và STT 872, Biểu 03, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tên dự án thành: Khu dân cư tổ dân phố Đông, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, do lúc đăng ký tên dự án đánh nhầm từ điểm dân cư
V	HUYỆN LẠNG GIANG										
43	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 292 từ Kép đi Bó Hạ (Chuyến tiếp)	Xã Tân Thịnh (TT Kép), An Hà, Nghĩa Hoà và Nghĩa Hưng								STT 07, Biểu 02 và STT 6, Biểu 3, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh	Theo chủ trương đầu tư thì địa điểm là xã Tân Thịnh, nay điều chỉnh là thị trấn Kép

